

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/DS-ST**

Ngày: 22/4/2021

*“V/v tranh chấp
chia tài sản chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hưng Quang

2/ Bà Trần Thị Hà

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa
Cha – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 27/3/2019, về việc “Tranh chấp chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-DS, ngày 22/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1931; Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận (Đã chết) do bà Võ Thị X đại diện hợp pháp;

2. Bị đơn: Ông **Võ L**, sinh năm 1931; Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận do ông Võ Văn T2 đại diện theo ủy quyền;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập:

1/ Bà **Võ Thị X**, sinh năm 1953; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận, có mặt;

2/ Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1957; Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận, có mặt;

3/ Bà **Võ Thị T (Tàu)**, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận, có mặt;

4/ Bà **Võ Thị C1**, sinh năm 1962; Địa chỉ: xóm 6, xã V, huyện P, Bình Thuận, có mặt;

5/ Bà **Võ Thị T1**, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận, có mặt;

6/ Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận, có mặt;

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:

1/ Bà **Võ Thị L1**, sinh năm 1951; Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận, có mặt;

2/ Ông **Võ Văn T2**, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận, có mặt.

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị M: ông **Nguyễn Trường D** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Thuận, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà và ông Võ L xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1951, sinh được 08 người con : Bà Võ Thị L1, bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị T (Tàu), bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B và Võ Văn T2. Sau khi lấy nhau thì vợ chồng bà có khai hoang một khu đất nông nghiệp khoảng 5 sào tại Tục danh Dòng Bề, nay thuộc khu phố 6, thị trấn H, sau khi khai thác thì vợ chồng có trồng khoai, trồng đậu, canh tác ổn định từ đó đến giờ, đến năm 1989 thì tôi và ông L ly thân, ông L về nhà ông ở, còn bà thì ở nhà vợ chồng tạo lập tại khu phố 9, sau đó bà bán căn nhà này lại cho con thứ hai tên Võ Thị L1 01 cây vàng, bà có cho con út bà tên T2 03 chỉ, còn lại trả nợ sinh hoạt gia đình, lúc bán nhà có sự đồng ý của ông Võ L, còn đất nông nghiệp 3.400m² mà UBND huyện P cấp cho ông L đứng tên, đây là tài sản chung của tất cả thành viên trong gia đình, trong đó có các con bà. Các con bà có công tạo lập nên tại Tòa bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều giá trị 3.400m² đất có sổ và 1.600m² đất không có sổ, theo bà giá trị đất 400.000.000đ/m². Tức chia đều cho 10 người, trong đó bà, ông L và 08 đứa con bà. Bà đề nghị giao cho con bà tên Võ Thị X quyền sử dụng, bà X hoàn tiền cho những người còn lại. Bà không đồng ý để ông L giao cho 01 mình ông T2 con bà sử dụng hết.

Bị đơn ông Võ L trình bày : Ông và bà Huỳnh Thị M xác lập quan hệ vợ chồng từ trước giải phóng và có tạo lập 01 căn nhà ở khu phố 9, H, sau khi lấy nhau thì cha mẹ ông mới cho ông diện tích đất nông nghiệp khoảng 3.400m² tọa lạc tại tục danh Dòng Bề, nay thuộc thị trấn H, vợ chồng ông canh tác, sản X1ất, đến năm 1990 do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông và bà M ly thân, không sống chung từ đó đến giờ, ông về nhà cha mẹ ông ở, còn bà M ở tại nhà do vợ chồng ông tạo lập tại khu phố 9, sau khi vợ chồng ly thân thì khoảng 03 năm sau bà M bán nhà cho con thứ hai ông (bà Võ Thị L1), còn đất nông nghiệp thì ông canh tác, sản X1ất ổn định, đến năm 1996 được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông diện tích đất trên, theo ông đất này cấp cho cá nhân ông, không phải cấp chung cho vợ chồng. Vì đất này do cha mẹ ông cho riêng ông nên nhà nước chỉ cấp cho ông. Nếu có căn cứ đất này cấp chung cho vợ chồng thì ông cũng không đồng ý chia bà M, vì lý do bà M lấy nhà của vợ chồng bán không chia cho ông đồng X1 nào. Mục đích ông giao đất cho con trai ông (Võ Văn T2) canh tác là để nuôi dưỡng ông và thờ cúng ông bà tổ tiên ông bà. Nay bà M và các con gái ông đòi chia thì ông không đồng ý. Nếu bà M cho rằng đây là của chung vợ chồng thì bà phải chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Võ Thị X trình bày:** Cha bà là ông Võ L và mẹ bà là bà Huỳnh Thị M xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1951, ông bà có 08 người con : Bà Võ Thị L1, bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị T (Tàu), bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B và Võ Văn T2. Sau khi lấy nhau thì ông bà có khai hoang một khu đất nông nghiệp

khoảng 5 sào, khi chị em bà sinh ra và lớn lên thì chị em bà có công sức phụ cha mẹ làm rẫy. Vì vậy, theo ông mặc dù đất này nhà nước cấp mang tên ông L nhưng có công sức đóng góp của tất cả chị em bà nên phải chia đều cho mọi thành viên trong gia đình như ý kiến của mẹ bà.

Bà thống nhất diện tích Hội đồng xem xét thẩm định là 5.352,5m², trong đó 3.400m² có sổ và 1.952,5m² chưa có sổ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Bà không đồng ý theo ý kiến của ông L và ông T2 mà bà yêu cầu phải chia đều cho 10 người (trong đó bà M, ông L và 08 chị em bà) theo diện tích đã thẩm định là 5.352,5m², theo bà giá trị đất 400.000.000đ/m², còn chia theo giá nào thì Tòa quyết định.

- Bà Võ Thị C, bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T, bà Võ Thị T1 và bà Võ Thị B thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà Võ Thị X không có ý kiến bổ sung.

- Bà Võ Thị L1 trình bày : Cha bà là ông Võ L và mẹ bà là bà Huỳnh Thị M xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1951, ông bà có 08 người con : Bà, bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị T (Tàu), bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B và Võ Văn T2. Nguồn gốc đất ông bà nội để lại cho cha bà hiện T2 đang canh tác diện tích bao nhiêu bà không rõ. Cha bà là người phục hóa, khai hoang đất, khi các em bà lớn lên đi lập gia đình riêng, họ không có công sức gì đối với đất này cả. Mục đích T2 giữ đất canh tác để phụng kính, thờ cúng ông bà thôi.

Lúc cha mẹ còn sống chung thì cha mẹ có tạo lập một ngôi nhà tại khu phố 9, thị trấn H, sau khi ông bà ly thân thì mẹ bà bán căn nhà này cho bà 01 cây vàng, rồi bà cho T2 3 chỉ, còn cha bà thì không đồng nào. Nay các em gái bà tranh chấp yêu cầu phân chia đất, bà không có ý kiến gì và bài cũng không yêu cầu phân chia, bà xin từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Ông Võ Văn T2 trình bày: Ông là con trai út của ông Võ L và bà Huỳnh Thị M, ngoài ra ông còn có 07 chị gái, được biết năm 1990 cha mẹ tôi ly thân mỗi người ở một nơi, sau khi mẹ ông bán nhà do cha mẹ ông tạo lập tại khu phố 9, H thì có lúc mẹ ở với chị hai ông, có lúc thì bà ở với ông, thời gian gần nhất khi có đơn khởi kiện là mẹ ông ở với ông, khi bà về ở với chị ông, khoảng mấy tháng sau thì ông nghe có đơn kiện tại Tòa. Diện tích đất nông nghiệp cha ông cho ông canh tác là thời gian khoảng 10 năm nay, trong đó có 3.400m² diện tích đất đã được UBND huyện cấp cho cha ông vào năm 1996. Nguồn gốc diện tích 3.400m² đất này, trong đó có 1.200m² là do cha mẹ ông tạo lập, còn 2.200m² là của ông bà nội ông để lại cho cha ông (Võ L), sau khi được cấp sổ cha ông cho con Võ X1 san ủi làm đất iêm canh tác, sản X1ất trồng hoa màu trong thời hạn 5 năm, sau đó ông lấy canh tác đến bây giờ. Nay mẹ ông và các chị ông yêu cầu chia đều phần đất này, ý kiến của ông cũng như (ông L) cha ông nếu có chia thì chỉ chia cho mẹ ông (Huỳnh Thị M) quyền sử dụng diện tích 1.400m²/3.400m² liền kề đất gò chưa có sổ, diện tích 2.000m² còn lại để cho ông và cha ông quyền sử dụng. Vì đất này nhà nước cấp theo hộ trong đó có cả ông và cha mẹ ông, nếu chia đều theo nhân khẩu thì bà M chỉ được chia diện tích 1.133m² đất thôi.

Còn việc các chị ông yêu cầu chia đều 10 phần diện tích 3.400m² và diện tích đất chưa có sổ theo Hội đồng thẩm định tại chỗ tổng diện tích 5.352,5m², ông cũng như cha ông (Võ L) không đồng ý. Vì các bà không có công sức tạo lập tài sản này, diện tích 3.400m² ông và cha ông có công khai thác, bỏ tiền của để san ủi lại và quản lý, sử dụng ổn định từ đó đến giờ. Riêng diện tích 1.952,5m² là ông khai hoang phục hóa khoảng 5, 6 năm nay không liên quan gì đến các chị ông. Các chị ông không ai

tạo lập ra, các bà cho rằng có công sức của các bà thì phải đưa ra chứng cứ chứng minh. Ông đại diện cho cha con ông, đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu của các chị ông đòi phân chia đất và đồng thời xem xét nguyện vọng của cha con ông theo như ông đã khai ở trên.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị M phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Công văn số 3293/UBND-NC ngày 17/12/2019 của UBND huyện P phân chia diện tích 3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 cho 03 thành viên gồm: ông Võ L, bà Huỳnh Thị M và ông Võ Văn T2, không có căn cứ phân chia 10 phần như yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Còn diện tích 1.952,5m² chưa có giấy chứng nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến như sau:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

-Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự;

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, 2, 4 điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 2, 5 Điều 147; khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 131 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung. Chia diện tích 3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 cho 03 thành viên gồm: ông Võ L, bà Huỳnh Thị M và ông Võ Văn T2, cụ thể: Giao cho bà Huỳnh Thị M được quyền sử dụng diện tích 1.400m²/3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 thửa số 60, tờ bản đồ số 2 (tiếp giáp bên phần diện tích 1.952,5m² đất chưa có giấy chứng nhận);

Giao cho ông Võ L và ông Võ Văn T2 mỗi người được quyền sử dụng diện tích 1.000m²/3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945, thửa số 60, tờ bản đồ số 2;

Bác toàn bộ yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập của bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị T, bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị M chết nên phát sinh thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của bà M theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự gồm: ông Võ L (chồng), các con bà: bà Võ Thị L1, bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B và ông Võ Văn T2. Khi đó người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là các bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B thống nhất để cho bà Võ Thị X đại diện quyền thừa kế tham gia tố tụng và nhận phần tài sản của bà M nếu bà M được chia; Bị đơn ông Võ L ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T2 tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại phiên tòa bà Võ Thị X và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập như bà C, bà C1, bà T, bà T1, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu phân chia tài sản theo nguyện vọng của bà Huỳnh Thị M, yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất diện tích 3.400m² đất, tại thửa số 60, tờ bản đồ số 2 và diện tích 1.952,5m² chưa được cấp giấy chứng nhận tọa lạc tại tục danh Dòng Bè, khu phố 6, thị trấn H; Ông Võ L cũng như ông Võ Văn T2 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà chỉ đồng ý chấp nhận 01 phần theo yêu cầu phân chia tài sản chung đối với diện tích 3.400m² cho bà M. Chứng tỏ, đây là việc kiện “Tranh chấp chia tài sản chung” là quan hệ pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 được điều chỉnh bởi pháp luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị X đại diện cho người khởi kiện bà Huỳnh Thị M (đã chết) yêu cầu Tòa án phân chia quyền sử dụng đất có diện tích 3.400 m² tại thửa số 60, tờ bản đồ số 2 do UBND huyện P cấp mang tên Võ L và diện tích 1.952,5m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận tọa lạc tại Dòng Bè, khu phố 6, thị trấn H hiện ông Võ L và ông Võ Văn T2 đang quản lý, sử dụng, chia đều cho 10 người (trong đó bà M, ông L và 08 người con bà gồm : bà Võ Thị X, Võ Thị L1, Võ Thị C, Võ Thị T, Võ Thị Chit, Võ Thị T1, Võ Thị B và Võ Văn T2). Vì cho rằng các bà có công tạo lập diện tích nêu trên.

Bị đơn ông Võ L cũng như ông Võ Văn T2 không đồng ý theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập, vì cho rằng diện tích 3.400m² đất được nhà nước cấp giấy chứng nhận và chỉ cấp riêng cho 02 ông, còn diện tích 1.952,5m² đất chưa cấp giấy chứng nhận là do 02 ông và ông T2 khai hoang, phục hóa mới đây, các con gái ông không ai có công sức tạo lập nên vì đã có chồng và theo chồng làm ăn, các bà yêu cầu phân chia là không có căn cứ. Nếu có chia thì chia 01 phần đất trong diện tích 3.400m² có giấy chứng nhận cho bà M, còn diện tích 1.952,5m² đất chưa có chứng nhận thì không được chia.

Để chứng minh cho yêu cầu của các đương sự là có căn cứ và hợp pháp, trong quá trình thu thập chứng cứ, các đương sự không ai cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài các lời khai của họ do Tòa án thu thập và một số người làm chứng biết tình tiết liên quan đến đất tranh chấp.

[3] Xét nguồn gốc đất và cơ sở xác lập quyền sử dụng đất tranh chấp:

Diện tích 3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 do UBND huyện P cấp mang tên Võ L vào ngày 09/12/1996, căn cứ vào tài liệu văn bản do UBND huyện P cung cấp và xác định đất này cấp cho ông Võ L. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận trong hộ còn có 02 người có tên: Huỳnh Thị M và ông Võ Văn T2. Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông Võ L và bà Huỳnh Thị M khai hoang vào năm 1970 sử dụng để canh tác trồng hoa màu. Đến 1996 được UBND huyện P cấp quyền sử dụng. Chứng tỏ, đây là đất cấp theo hộ gồm ông L, bà M và ông T2 và hiện ông T2 ông L đang canh tác.

Đối với diện tích 1.952,5m² tiếp giáp với phần 3.400m² đất có giấy chứng nhận hiện nay do đặc và quy chủ cho ông Võ L, sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên các con gái bà M như bà X, bà C, bà C1, bà T, bà T1 và bà B cho rằng các bà có công sức tạo lập nên quyền sử dụng cả diện tích có sổ và diện tích không sổ nhưng các bà không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ thể mình bỏ công sức tạo lập như thế nào. Trong khi ông L và bà M đã ly thân nhau từ năm 1986, sau này các bà đã có chồng và theo chồng làm ăn. Các bà xác định diện tích đất do mình có công tạo lập nên không riêng diện tích hơn 5.000m² mà còn diện tích khác nữa nhưng các bà không xác định rõ diện tích bao nhiêu mà chỉ xác định 02 diện tích đất trên và đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng xem xét thẩm định và định giá để phân chia cho mình là không có sức thuyết phục.

Căn cứ vào Công văn số 3293/UBND-NC ngày 17/12/2019 và Công văn số 273/UBND-KT ngày 26/01/2021 của UBND huyện P thì có đủ cơ sở xác định diện tích 3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 là cấp theo hộ cho 03 thành viên gồm: ông Võ L, bà Huỳnh Thị M và ông Võ Văn T2, như vậy phần diện tích này mỗi người được chia diện tích bằng nhau (1,133m²). Tuy nhiên, tại tòa ông Võ L và ông Võ Văn T2 tự nguyện chia cho bà M diện tích 1.400m²/3.400m² giáp bên phần diện tích 1.952,5m² đất chưa có giấy chứng nhận, diện tích còn lại 2.000m²/3.400m² giao cho 02 ông. Xét thấy, sự tự nguyện phân chia của ông L và ông T2 có lợi cho bà M nên ghi nhận.

Do bà M chết nên phát sinh thừa kế, vì vậy áp dụng Bộ luật dân sự để phân thừa kế theo pháp luật, hàng thừa kế của bà M gồm : Ông L và các con (bà Võ Thị X, Võ Thị L1, Võ Thị C, Võ Thị T, Võ Thị C1, Võ Thị T1, Võ Thị B và Võ Văn T2). Tại phiên tòa ông L, bà L1 và ông T2 không nhận phần thừa kế mà ông bà được nhận từ bà M mà giao cho các bà : bà X, C, C1, T, T1 và B tự quyết định. Tại Tòa bà C, C1, T, T1 và B thống nhất giao phần mình được nhận thừa kế từ bà M cho bà X được quyền sử dụng và định đoạt, coi như bà X được nhận toàn bộ diện tích 1.400m² của bà M. Nhưng tại phiên tòa, các bà cho rằng nếu Tòa xử không đúng nguyện vọng của các bà thì các bà không nhận phần chia cho bà M như trên. Mặc dù, họ từ chối nhận nhưng đảm bảo quyền lợi nên ghi nhận theo sự thỏa thuận của họ giao diện tích 1.400m² đất bà M được chia cho bà Võ Thị X quyền sử dụng là phù hợp hơn.

Đối với diện tích 1.952,5m² chưa cấp giấy chứng nhận tiếp giáp với 3.400m² hiện đã quy chủ cho ông Võ L. Các bà yêu cầu chia do chưa có chứng cứ chứng minh là của chung vợ chồng ông Võ L và bà Huỳnh Thị M hay của chung cả các con ông L với bà M. Các bà cho rằng, lúc còn sống chung với cha mẹ thì các bà có đi ở đợ mang tiền về cho cha mẹ đầu tư tôn tạo đất mới có ngày hôm nay nên đất là của chung, còn 02 người làm chứng ông Võ X1 và bà Võ Thị X2 khai chỉ biết các bà có đi ở đợ đưa tiền

cho cha mẹ còn việc cha mẹ các bà dùng tiền vào mục đích gì ông bà không rõ. Hơn nữa ông L và ông T2 đều phủ nhận lời trình bày của các bà nên các phải đưa ra chứng cứ chứng minh. Do các bà không đưa ra chứng cứ chứng minh cụ thể mình đã bỏ công sức tạo lập quyền sử dụng đất trên nên không có cơ sở chia thừa kế hay chia tài sản chung theo yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và căn cứ các tình tiết liên quan phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Đối với ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Công văn số 3293/UBND-NC ngày 17/12/2019 của UBND huyện P phân chia diện tích 3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 cho 03 thành viên gồm: ông Võ L, bà Huỳnh Thị M và ông Võ Văn T2. Còn diện tích 1.952,5m² chưa có giấy chứng nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết theo quy định pháp luật. Xét lời quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận xem xét.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với ông Võ L.

Giao cho bà Võ Thị X được quyền sử dụng diện tích 1.400m²/3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 thửa số 60, tờ bản đồ số 2 (tiếp giáp bên phần diện tích 1.952,5m² đất chưa có giấy chứng nhận);

Giao cho ông Võ L và ông Võ Văn T2 mỗi người được quyền sử dụng diện tích 1.000m²/3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945, thửa số 60, tờ bản đồ số 2.

Bác toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung: Bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B đối với ông Võ L.

[5] Về phần án phí: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Ông Võ L và Võ Thị X và ông Võ Văn T2 phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do ông L và bà X là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

Do yêu cầu phân chia tài sản chung của bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B không chấp nhận nên hoàn trả tạm ứng án phí cho họ theo quy định pháp luật. Riêng bà Võ Thị X và bà Võ Thị C thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên không xem xét.

[6] Về chi phí khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 14 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, 2, 4 điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 2, 5 Điều 147; khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 131 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M (do bà Võ Thị X đại diện) đối với ông Võ L về việc tranh chấp chia tài sản chung.

Giao cho bà Võ Thị X được quyền sử dụng diện tích 1.400m²/3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945 thửa số 60, tờ bản đồ số 2 (tiếp giáp bên phần diện tích 1.952,5m² đất chưa có giấy chứng nhận theo sơ đồ bản vẽ);

Giao cho ông Võ L và ông Võ Văn T2 mỗi người được quyền sử dụng diện tích 1.000m²/3.400m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515945, thửa số 60, tờ bản đồ số 2 (phần đất còn lại theo sơ đồ bản vẽ).

Bác toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung giữa các bà Võ Thị X, bà Võ Thị C, bà Võ Thị C1, bà Võ Thị T, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị B đối với ông Võ L.

Khi án có hiệu lực pháp luật thì các bên đương sự tự liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý và cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án. Nếu các bên không tự thi hành được thì yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự để thi hành theo Luật Thi hành án.

[3] Về án phí: Ông Võ Văn T2 phải nộp **750.000đ** (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thị C1 số tiền **3.000.000đ** (ba triệu đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0026267 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P

Hoàn trả cho Võ Thị T1 số tiền **3.000.000đ** (ba triệu đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0026266 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Hoàn trả cho Võ Thị B số tiền **3.000.000đ** (ba triệu đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0026265 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P;

Hoàn trả cho Võ Thị T số tiền **3.000.000đ** (ba triệu đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0026264 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P;

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án ND tỉnh;

(đã ký)

- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Lý Văn Lầy